| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HB**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:22/2020/DS-DS
Ngày: 07-9-2020
V/v "Tranh chấphợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Ngọc Diễm
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Huỳnh Tài Em
2. Ông Nguyễn Văn Miên
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Văn Dư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K
Địa chỉ: Số 40-42-44, PHT, phường VTV, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Anh T–Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quốc TH, Quyền trưởng Phòng khách hàng cá nhân kiêm khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng K chi nhánh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1975
Bà Lê Thị Tú Q, sinh năm 1973
Địa chỉ: Ấp VT, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1944
+ Chị Nguyễn Kim T2, sinh năm 1996
Địa chỉ: Ấp VT, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

*(Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2020, bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/8/2015 ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q có ký hợp đồng tín dụng số 505/15/HĐTD/0200-4230 với Ngân hàng K để vay số tiền 65.000.000

đồng; Thời hạn vay 24 tháng; mục đích vay là mua bán tạp hóa; lãi suất trong hạn 13,68%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi phạt chậm trả 0,05%/ ngày; Phương thức thanh toán từ 11/8/2015 đến 11/8/2016 trả 30.000.000 đồng, từ 11/8/2016-11/8/2017 trả 35.000.000 đồng; Lãi trả 12 tháng / lần.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông S và bà Q thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 3.250m$^2$, loại đất lúa + tôm, thửa số 999, tờ bản đồ số 02, do UBND huyện VL (nay là huyện HB) cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S vào ngày 11/3/2004, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 835440; Và diện tích 9.758m$^2$ tại thửa 686, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp VT, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu; Do UBND huyện VL (nay là huyện HB) cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh S vào ngày 25/3/2004, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 551000.

Khi đến hạn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, ông S và bà Q nhiều lần cam kết nhưng không thanh toán, đã vi phạm hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông S và bà Q trả số tiền 124.861.819 đồng tính đến ngày 07/9/2020 (trong đó nợ gốc 65.000.000 đồng; lãi trong hạn 13.587.138 đồng; lãi quá hạn 46.274.681) và lãi suất phát sinh từ ngày 08/9/2020 cho đến khi ông S và bà Q thanh toán hết nợ theo hợp đồng đã ký kết.

Đại diện Ngân hàng K có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phạt chậm trả tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 11.512.135 đồng.

Trường hợp ông S bà bà Q không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh S trình bày: ông thống nhất với nội dung đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của đại diện Ngân hàng liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và số tiền mà vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng. Ông cam kết đến hết tháng 07/2020 sẽ thanh toán dứt điểm cho Ngân hàng. Ngoài ra ông không có ý kiến nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng đối với bị đơn Lê Thị Tú Q; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Kim Tiền nhưng bà Q, bà Đ và chị T2 vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*:

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiêm Long. Buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q thanh

toán cho Ngân hàng số tiền 124.861.819 đồng (trong đó nợ gốc 65.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.587.138 đồng, nợ lãi quá hạn 46.274.681 đồng), đồng thời ông S và bà Q còn có nghĩa vụ thanh toán lãi suất phát sinh từ ngày 08/9/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông S và bà Q không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc ông S và bà Q phải nộp số tiền án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q cư trú tại ấp VT, xã VT, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26;điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HB.

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]Về nội dung tranh chấp: Căn cứ hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ của ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q, đủ cơ sở xác định Ngân hàng K đã cho ông S và bà Q vay số tiền 65.000.000 đồng, lãi suất 13,68%/ năm, thời hạn vay 24 tháng; mục đích vay là mua bán tạp hóa; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi phạt chậm trả 0,05%/ ngày; Phương thức thanh toán từ 11/8/2015 đến 11/8/2016 trả 30.000.000 đồng, từ 11/8/2016-11/8/2017 trả 35.000.000 đồng; Lãi trả 12 tháng / lần.

Căn cứ bản sao kê theo dõi của Ngân hàng, kể từ ngày 02/11/2016 ông S và bà Q không thanh toán nợ lãi đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Ngân hàng khởi kiện đối với ông S và bà Q là có căn cứ.

Đối với khoản nợ vay cũng như lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì ông S hoàn toàn thống nhất. Tại bản tự khai ngày 26/6/2020 ông S cũng cam kết đến hết tháng 07/2020 sẽ thanh toán dứt điểm nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến nay ông S vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 124.861.819 đồng (trong đó nợ gốc 65.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.587.138 đồng, nợ lãi quá hạn 46.274.681 đồng) tính đến ngày 07/9/2020. Ngoài ra, ông S và bà Q còn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/9/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng.

[3] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản vay các bên đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 505/15/HĐTC-BĐS/0200-4230 ngày 04/8/2015. Theo hợp đồng, tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số Y 835440do Ủy ban nhân dân huyện VL (nay là huyện HB) cấp ngày 11/3/2004 và quyền sử dụng đất số Y 551000do Ủy ban nhân dân huyện VL (nay là huyện HB) cấp ngày 25/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Thanh S đứng tên. Theo quy định của pháp luật và cam kết trong hợp đồng tín dụng, tài sản trên được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ. Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 293 và Điều 299 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài tài sản thế chấp: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn số tiền đã dự nộp và chi hết là 400.000 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; điểm b khoản 2 Điều 277; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 293, Điều 299, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K. Buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q thanh toán cho Ngân hàng K số tiền 124.861.819 đồng (trong đó nợ gốc 65.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 13.587.138 đồng, nợ lãi quá hạn 46.274.681 đồng).

*Kể từ ngày 08/9/2020 ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông S và bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.*

2. Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q hoàn lại cho Ngân hàng K số tiền 400.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q phải chịu án phí sơ thẩm là 6.243.090 đồng. Ngân hàng K không phải nộp án phí. Đại diện Ngân hàng đã dự nộp 3.182.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006081 ngày 17/4/2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tú Q không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số Y 835440 do Ủy ban nhân dân huyện VL (nay là huyện HB) cấp ngày 11/3/2004 và quyền sử dụng đất số Y 551000do Ủy ban nhân dân huyện VL (nay là huyện HB) cấp ngày 25/3/2004 cho hộ ông Nguyễn Thanh S đứng tên để thu hồi nợ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND huyện HB;*
*- Cơ quan THA huyện HB;*
*- Lưu: HS; VT-TA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Ngọc Diễm**